



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

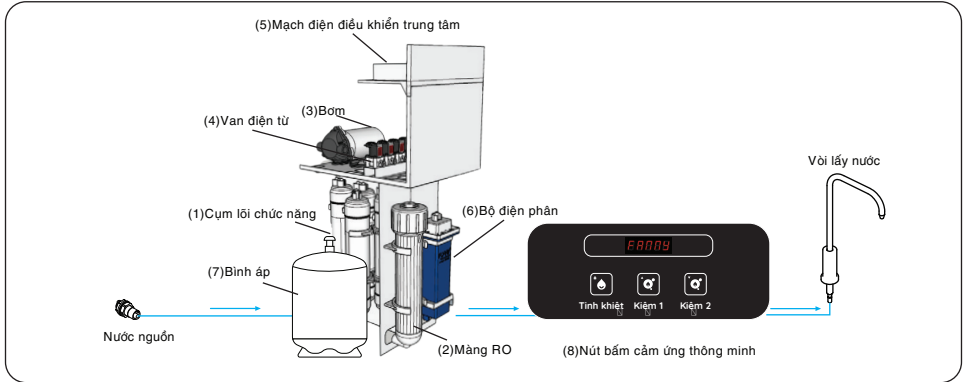
MÁY LỌC NƯỚC RO ION KIỀM RIO-02 B



LIÊN HỆ NGAY

1900 292924

I. SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG



Sơ đồ máy lọc nước RO ion kiềm

(1) Cùm lõi chức năng	Cùm lõi lọc thô 1,2,3 loại bỏ tạp chất, hấp thụ độc tố. Cùm lõi chức năng 5,6,7,8,9 giúp ổn định chất lượng nước.
(2) Màng RO	Loại bỏ virus, vi khuẩn, tạp chất với kích thước mắt lọc lên đến 0.0001 μ m.
(3) Bơm	Tạo áp suất đẩy nước qua màng thẩm thấu ngược RO.
(4) Van điện tử	Điều khiển đóng ngắt tự động dòng nước.
(5) Mạch điện điều khiển trung tâm	Điều khiển toàn bộ hoạt động của máy.
(6) Bộ điện phân	Tạo ra nguồn nước ion kiềm, giàu Hydrogen.
(7) Bình áp	Chứa nước tinh khiết sau màng lọc RO
(8) Nút bấm cảm ứng thông minh	Thao tác trực tiếp chọn chế độ nước sử dụng.

II. CÁCH LẮP ĐẶT

1. Khảo sát lắp đặt

Điều kiện nguồn nước đầu vào đối với máy lọc nước RO ion kiềm Famy: pH > 5.5; độ cứng < 200 mg/lít; TDS < 600 PPM; áp lực từ 1.5-3 kg/cm².

Vị trí phù hợp để lắp đặt máy lọc nước RO ion kiềm Famy:

- Nên lắp đặt máy tại những nơi khô ráo, tránh các khu vực thường xuyên ẩm ướt vì hơi nước sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống mạch điện và nút bấm cảm ứng.
- Nên lắp đặt máy tại vị trí gần khu vực lấy nước nguồn.
- Nên lắp đặt máy tại vị trí gần ổ điện.
- Nên lắp đặt máy tại vị trí có đường nước thải chờ sẵn.

2. Các bước lắp đặt

Bước 1: Mở thùng máy và kiểm tra linh kiện trong máy.

Bước 2: Lắp củ khóa vào đường cấp nước, kết nối dây phi 10 từ khóa cấp vào đường cấp nước nguồn của máy. Kết nối dây phi 6, phi 10 vào 2 đường nước thải (phía sau máy).

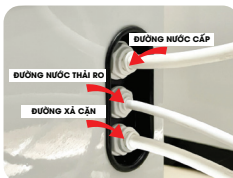
Bước 3: Cắm linh kiện vòi nước inox 304 vào phần đế vòi đã được lắp sẵn trên máy, xoay phần đế chụp có zen để giữ lại.

Bước 4: Cắm nguồn điện.

Bước 5: Thực hiện xả rửa lần đầu chạy máy trong khoảng 45 phút.

Bước 6: Dùng lọ dung dịch đi kèm trong máy kiểm tra độ kiềm (chú ý tráng rửa cốc trước khi thực hiện).

Bước 7: Thực hiện kích hoạt bảo hành máy (xem chi tiết ở trang 10).



V. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

Dưới đây là một số gợi ý mà bạn có thể tham khảo các cột mốc thời gian trong ngày để việc uống nước ion kiềm sẽ mang lại hiệu quả tối ưu nhất, như:

THỜI GIAN	LỢI ÍCH CỦA VIỆC UỐNG NƯỚC KIỀM
07h00	Giúp thanh lọc cơ thể, thúc đẩy quá trình hoạt động của hệ tiêu hóa, giúp tăng cường trao đổi chất.
09h00	Bổ sung thêm ly nước ion kiềm hoặc có thể uống sau khi ăn sáng khoảng 1 tiếng.
11h30	Uống trước khi ăn trưa khoảng 30 phút, sẽ giúp ích cho hệ tiêu hóa hoạt động tốt.
13h30	Uống sau ăn trưa 1 tiếng giúp cơ thể hấp thụ được các chất dinh dưỡng tốt hơn từ thực phẩm.
15h00	Tăng cường khả năng tập trung làm việc và học tập.
17h00	Uống nước ion kiềm lúc này sẽ giúp bạn hạn chế việc tiêu thụ nhiều thức ăn vào buổi tối, có lợi cho giảm cân.
20h00	Sau khi ăn tối 1 tiếng giúp cơ thể ổn định huyết áp.
22h00	Uống nước ion kiềm trước khi ngủ hỗ trợ quá trình tái tạo tế bào trong khoảng thời gian mà bạn nằm ngủ.

Các thông tin trên chỉ mang tính chất tham khảo! Nước kiềm là loại nước tốt có tác dụng hỗ trợ và phòng ngừa một số bệnh lý nhưng không phải thuốc chữa bệnh.

VI. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Mã số/ Code: DV230805/09/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên khách hàng/ Customer's Name**: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN DƯƠNG
- Địa chỉ/ Address**: Số 5333 Trường Chinh, Phường Lâm Hà, Quận Kiến An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ Name of Sample**: Mẫu nước lấy từ "Máy ion Kiềm FAMY điện phân từ nước"
- Mô tả mẫu/ Sample Description**: Mẫu đựng trong chai nhựa, nắp kín
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received**: 05/08/2023
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time**: Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/ Date of test**: 05/08/2023-14/08/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of issue**: 14/08/2023

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	QCVN 6-1:2010/BYT
1	pH*	-	9,12	TCVN 6492:2011	-
2	Antimon (As)	mg/L	KPH (LOD = 0,001)	SMEWW 3113.B:2017	0,02
3	Arsen (As)*	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	SMEWW 3114.B:2017	0,01
4	Bari (Ba)**	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	TS-KT-QP-51:2002	0,7
5	Bor (B)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 6635:2000	0,5
6	Cadimi (Cd)*	mg/L	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3113.B:2017	0,003
7	Clor dư	mg/L	KPH (LOD = 0,06)	TCVN 6225-1:2012	-
8	Crom (Cr)*	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3113.B:2017	0,05
9	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	SMEWW 3111.B:2017	2

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị để sử dụng thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được nhân đôi kết quả thử này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except by written agreement of VNTEST.
- Yêu cầu về độ chính xác không được ghi trên phiếu chỉ áp dụng khách hàng/ Items of accuracy not mentioned on written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được chấp nhận theo QCVN 6-1:2010/BYT được đánh dấu (*), thời hạn kết quả mẫu phụ thuộc điều kiện (**). Items are accredited by QCVN 6-1:2010/BYT, Items are valid for subsequent test (**). Items are valid for subsequent test (**).
- Không nhận mẫu và/hoặc không chấp nhận kết quả nếu mẫu không rõ hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive samples in the absence of retention samples or the customer's instructions/ Do not receive.

BM 17/01 Lần ban hành: 02 Số tài liệu ngày: 08/06/2021 Trang 1/3

Mã số/ Code: DV230805/09/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	QCVN 6-1:2010/BYT
10	Nyama (CN)	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 6181:1996	0,07
11	Florua (F)*	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	SMEWW 4500-F-88.0:2017	1,5
12	Chi (Pb)*	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3113.B:2017	0,01
13	Mangan (Mn)*	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	SMEWW 3111.B:2017	0,4
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	TCVN 7877:2008	0,006
15	Molybden (Mo)	mg/L	KPH (LOD = 0,007)	SMEWW 3119.B:2017	0,07
16	Niken (Ni)	mg/L	KPH (LOD=0,0012)	SMEWW 3113.B:2017	0,07
17	Nitrat (NO ₃)*	mg/L	KPH (LOD = 0,1)	TCVN 6180:1996	50
18	Nitrit (NO ₂)*	mg/L	KPH (LOD = 0,015)	TCVN 6178:1996	3
19	Selen (Se)	mg/L	KPH (LOD = 0,001)	SMEWW 3114B:2017	0,01
20	Ê.coli*	CFU/250mL	KPH (LOD = 1)	TCVN 6187-1:2019	0
21	Coliforms tổng số*	CFU/250mL	KPH (LOD = 1)	TCVN 6187-1:2019	0
22	Streptococci faecal*	CFU/250mL	KPH (LOD = 1)	TCVN 6189-2:2009	0
23	Pseudomonas aeruginosa*	CFU/250mL	KPH (LOD = 1)	TCVN 8881:2011	0

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị để sử dụng thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được nhân đôi kết quả thử này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except by written agreement of VNTEST.
- Yêu cầu về độ chính xác không được ghi trên phiếu chỉ áp dụng khách hàng/ Items of accuracy not mentioned on written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được chấp nhận theo QCVN 6-1:2010/BYT được đánh dấu (*), thời hạn kết quả mẫu phụ thuộc điều kiện (**). Items are accredited by QCVN 6-1:2010/BYT, Items are valid for subsequent test (**).
- Không nhận mẫu và/hoặc không chấp nhận kết quả nếu mẫu không rõ hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive samples in the absence of retention samples or the customer's instructions/ Do not receive.

BM 17/01 Lần ban hành: 02 Số tài liệu ngày: 08/06/2021 Trang 2/3

Mã số/ Code: DV230805/09/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	QCVN 6-1:2010/BYT
24	Bào tử và khuẩn kỵ khí khử sulfate*	CFU/50mL	KPH (LOD = 1)	TCVN 6191-2:1996	0

- Ghi chú/ Note:**
- KPH: không phát hiện
 - LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
 - QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai, ngưỡng ghi nhận cho phép
 - (-): không áp dụng

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

Giám Manager

VŨ THỊ KIM THANG



1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị để sử dụng thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được nhân đôi kết quả thử này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except by written agreement of VNTEST.
- Yêu cầu về độ chính xác không được ghi trên phiếu chỉ áp dụng khách hàng/ Items of accuracy not mentioned on written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được chấp nhận theo QCVN 6-1:2010/BYT được đánh dấu (*), thời hạn kết quả mẫu phụ thuộc điều kiện (**). Items are accredited by QCVN 6-1:2010/BYT, Items are valid for subsequent test (**).
- Không nhận mẫu và/hoặc không chấp nhận kết quả nếu mẫu không rõ hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive samples in the absence of retention samples or the customer's instructions/ Do not receive.

BM 17/01 Lần ban hành: 02 Số tài liệu ngày: 08/06/2021 Trang 3/3

VII. THỜI GIAN THAY THẾ LỖI LỌC



▶ **Cụm lõi lọc 1,2,3**

- ▶ Loại bỏ tạp chất cặn bẩn
- ▶ Hấp thụ màu, mùi, kim loại nặng
- ▶ Bảo vệ màng RO
- ▶ Lưu lượng tối đa: 100L/H
- ▶ Thời gian thay thế: 3-9 tháng

**Phụ thuộc vào chất lượng nước đầu vào*



▶ **Màng RO**

- ▶ Loại bỏ virus, vi khuẩn, tạp chất với kích thước mắt lọc lên đến 0.0001 μ m
- ▶ Lưu lượng tối đa: 15 L/H
- ▶ Thời gian thay thế: 18-24 tháng

**Phụ thuộc vào chất lượng nước đầu vào*



▶ **Cụm lõi lọc 5,6,7,8,9**

- ▶ Loại bỏ tạp chất cặn bẩn
- ▶ Giúp ổn định chất lượng nước
- ▶ Lưu lượng tối đa: 100L/H
- ▶ Thời gian thay thế: 12.000L

VIII. THỜI GIAN KIỂM TRA HỘP ĐIỆN CỰC



► Bộ điện phân

- Điện phân trực tiếp từ nguồn nước RO
- Công nghệ điện phân không nước thải
- 5 tấm điện cực hoạt động theo công nghệ đảo chiều tự động
- Công suất điện phân 200L/H
- Cung cấp đa chế độ nước ion kiềm
- Chu kỳ kiểm tra: khi máy đặt ngưỡng 7.000L sẽ tự động dừng hoạt động máy
- Thời gian thay thế điện cực: đạt ngưỡng 30.000L

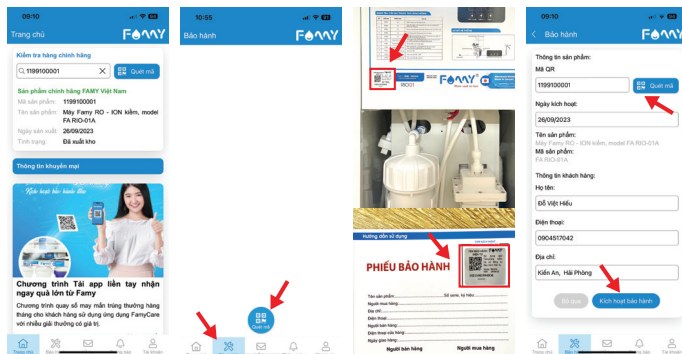


Vị trí các lõi lọc và hộp điện phân

IX. HƯỚNG DẪN KÍCH HOẠT BẢO HÀNH

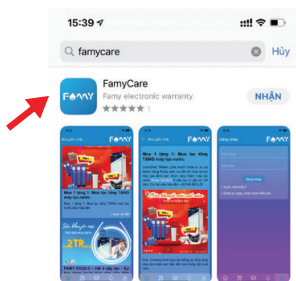
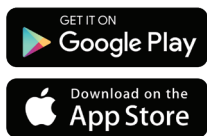
Kiểm tra hàng chính hãng & kích hoạt bảo hành

Trong phần trang chủ ứng dụng ta bấm quét mã để kiểm tra hàng chính hãng. Để kích hoạt bảo hành ta chọn mục bảo hành, đưa điện thoại quét mã QR trên máy và điền đầy đủ thông tin và bấm kích hoạt bảo hành.



Cài đặt

Tìm kiếm cài đặt ứng dụng FamyCare với từ khóa “FamyCare” trong kho ứng dụng Google play & App store.



Quyền lợi khách hàng

- Sản phẩm chính hãng Famy chỉ được bảo hành khi khách hàng kích hoạt bảo hành đúng quy định
- Kiểm tra sản phẩm chính hãng, thông tin sản xuất
- Được bảo dưỡng định kỳ theo chính sách từng sản phẩm
- Khách hàng cài đặt ứng dụng FamyCare được tích lũy điểm thành viên, nhận thông tin khuyến mãi định kỳ, nhận mã tham gia các chương trình quay số trúng thưởng

X. THÔNG TIN BẢO HÀNH

PHIẾU BẢO HÀNH

Người mua hàng:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Người bán:.....SĐT.....
Ngày giao hàng:.....

TEM KÍCH HOẠT
BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

Người bán hàng

Người mua hàng

MODEL: RIO-O2 B KHÁC:.....

Điều kiện bảo hành:

- ▶ Bảo hành 2 năm.
- ▶ Lắp đặt theo đúng hướng dẫn sử dụng.
- ▶ Không bảo hành đối với các trường hợp thay đổi linh kiện trong máy bằng linh kiện của hãng khác.
- ▶ Không tự ý rút và cắm lại các kết nối mạch điện, thao tác sai có thể gây cháy nổ hỏng hóc thiết bị, Famy sẽ không bảo hành các trường hợp này.
- ▶ Chỉ bảo hành khi lỗi thiết bị kỹ thuật của sản phẩm.

Khi gặp vấn đề liên hệ ngay với đơn vị mua hàng hoặc gọi lên tổng đài của Famy 1900 292924 để được tư vấn.



FAMY®

Nước sạch từ tâm



Quét mã xem ngay



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN DƯƠNG

VPGD: Lô 15 - LK11 - KĐT Văn Khê - Hà Đông - Hà Nội

Nhà máy: KCN 2-9 - 168 Nguyễn Mẫn - Kiến An - Hải Phòng

MST: 0200761900 / CSKH: 1900 292924 / Website: www.famy.vn